TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 888/2026/DSST
Ngày: 28 - 05 - 2026
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú

2. Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Thành Luân là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 05 năm 2026 tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 7 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 227/2026/TLST- DS ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 458/2026/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 04 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 510/2026/QĐST-DS ngày 19 tháng 05 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đinh Quốc H, sinh năm 1996; địa chỉ: 1 Chung cư T, số C đường C, phường C (Phường D, Quận H cũ), Thành phố Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

Bị đơn: Bà Nguyễn Lê Hồng N, sinh năm 1988; địa chỉ: Số C đường Q, Khu phố E, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 13/06/2025, bản tự khai và các lần làm việc tại tòa, nguyên đơn trình bày:

Ngày 15/04/2024 ông có cho bà Nguyễn Lê Hồng N vay số tiền là 370.000.000 đồng, thời hạn vay là 10 ngày, thời hạn trả là ngày 25/04/2024, vay tiền không có lãi suất.

Thực hiên hợp đồng vay, ông đã chuyển khoản cho bà N như sau:

- Ngày 15/04/2024, chuyển khoản 246.000.000 đồng vào tài khoản bà N tại O;

- Ngày 19/04/2024, chuyển khoản 124.000.000 đồng vào tài khoản bà N tại O;

Tuy nhiên, từ thời điểm đến hạn trả nợ đến nay, bà N vẫn không trả bất cứ khoản tiền nào cho ông. Nay ông khởi kiện yêu cầu bà N trả cho ông số tiền nợ gốc là 370.000.000 đồng và nợ lãi được tính từ ngày 26/04/2024 tạm tính đến ngày 28/5/2026 (763 ngày) với lãi suất là 10%/năm là 77.345.205 đồng.

Tổng cộng là 447.345.205 đồng. Yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản tự khai, các lần làm việc tại tòa và tại phiên tòa hôm nay bị đơn trình bày:

Ông H là nhân viên ngân hàng O và thường hỗ trợ bà để thực hiện khoản vay của ngân hàng O. Do khoản vay của bà tại Ngân hàng O quá hạn thanh toán, ông H sợ ảnh hưởng đến thành tích cá nhân nên có đề nghị bà để ông Hoàng Ứ trước số tiền 370.000.000 đồng để thanh toán nợ cho Ngân hàng.

Sau đó ông H tự ý chuyển tiền vào tài khoản của bà 02 lần tiền, một lần với số tiền là 124.000.000 đồng và một lần với số tiền là 246.000.000 đồng, tổng cộng là 370.000.000 đồng. Mặc dù giấy vay tiền thỏa thuận thời hạn vay là 10 ngày nhưng thực tế bà và ông H thỏa thuận khi nào bà bán được đất bà mới trả.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà trả số tiền nợ gốc 370.000.000 đồng và nợ lãi tính từ ngày 26/04/2024 tạm tính đến ngày 28/5/2026 (763 ngày) với lãi suất là 10%/năm là 77.345.205 đồng và yêu cầu trả ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật bà không đồng ý bởi vì số tiền này là ông H tự ứng trước để trả nợ Ngân hàng cho bà chứ bà không yêu cầu, bà cũng không có nhu cầu vay ông H nên nay ông H đòi tiền lãi bà không đồng ý. Bà chỉ đồng ý trả cho ông H số tiền gốc 370.000.000 đồng nhưng đề nghị được trả trong thời hạn 01 năm vì bà phải làm thủ tục bán đất mới trả được.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng:*

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, quan hệ pháp luật được xác định là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn cư ngụ tại phường G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân Khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về người tham gia tố tụng: Hội đồng xét xử xác định giao dịch giữa ông H và bà N thực hiện không trong thời kì hôn nhân của bà Nguyễn Ngọc Anh T và ông Đinh Quốc H. Do đó Hội đồng xét xử xác định Nguyễn Ngọc Anh T không phải là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

[2] *Về nội dung:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[2.1] Về nợ gốc:

Căn cứ Giấy vay tiền ngày 15/04/2024; Lệnh chuyển khoản Ngân hàng ngày 15/04/2024, ngày 19/04/2024 và lời khai của các đương sự, Hội đồng xét xử xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có xác lập giao dịch vay tài sản có kỳ hạn theo quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Số tiền nguyên đơn cho bị đơn vay là 370.000.000 đồng.

Nguyên đơn cho rằng thời hạn vay là 10 ngày, thời hạn trả là ngày 25/04/2024. Bị đơn cho rằng các bên thỏa thuận khi nào bị đơn bán được đất mới trả. Hội đồng xét xử nhận thấy:

Lời khai của nguyên đơn phù hợp với thỏa thuận về thời hạn trả nợ theo Giấy vay tiền ngày 15/04/2024. Lời khai của bị đơn không được nguyên đơn thừa nhận. Ngoài lời khai bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử xem xét.

Do đó Hội đồng xét xử xác định đã quá thời hạn trả là ngày 25/04/2024 nhưng đến nay bị đơn chưa trả số tiền trên cho nguyên đơn là bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo thỏa thuận. Do đó nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 370.000.000 đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2] Về nợ lãi:

Như đã phân tích ở trên, các bên thỏa thuận thời hạn thanh toán đến ngày 25/04/2024 nhưng đến nay chưa trả nên việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán kể từ ngày 26/04/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm là phù hợp với quy định tại Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: 370.000.000 đồng x 10%/năm x từ ngày 26/04/2024 đến ngày 28/05/2026 (763 ngày) = 77.345.205 đồng.

Tổng cộng số tiền bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là 447.345.205 đồng.

[2.3] Về thời hạn thanh toán: Bị đơn yêu cầu được trả nợ gốc trong thời hạn 01 năm nhưng không được nguyên đơn đồng ý. Đến nay đã quá thời hạn vay theo thỏa thuận làm thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần buộc bị đơn phải trả số tiền trên cho nguyên đơn làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[2.4] Về lãi suất chậm thi hành án:

Giấy vay tiền ngày 15/04/2024 các bên không có thỏa thuận về việc trả lãi do đó, căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của TANDTC thì kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí:

Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và

sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 21.893.808 đồng.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho nguyên đơn.

[4] Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết vụ án là có cơ sở và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bà Nguyễn Lê Hồng N phải có trách nhiệm trả cho ông Đinh Quốc H số tiền tính đến ngày 28/05/2026 là 447.345.205 đồng, trong đó nợ gốc là 370.000.000 đồng, lãi chậm thanh toán là 77.345.205 đồng. Trả làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự tự thi hành hoặc thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 21.893.808 đồng bà Nguyễn Lê Hồng N phải chịu.

Hoàn tiền tạm nộp án phí cho ông Đinh Quốc H là 740.000 đồng theo biên lai thu số 0025532 ngày 13/10/2025 và số tiền 9.250.000 đồng theo biên lai thu số 0025528 ngày 13/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Bị đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo các quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND khu vực 7;
- THADSTPHCM-PTHADSKV7;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Nhung